

Bản án số: 40/2017/HSPT

Ngày 25/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.
- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Ông Mai Xuân Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2017/HSPT ngày 04 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo Phạm Duy N1, Đỗ Văn N2, Nguyễn Trần N3 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Duy N1, Đỗ Văn N2, Nguyễn Trần N3 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Duy N1, sinh năm 1983 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; trú tại thôn 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lái xe; trình độ văn hóa 9/12; con ông Phạm Duy N và bà Phạm Thị T; có vợ Nguyễn Thị T và có 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; không có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/11/2016 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 03/12/2016 cho đến nay (có mặt).

2. Đỗ Văn N2, sinh năm 1991 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; trú tại xóm 1, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; con ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Thị N; chưa có vợ, con; không có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/11/2016 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh

Ninh Bình từ ngày 03/12/2016 đến ngày 18/01/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” (có mặt).

3. Nguyễn Trần N3, sinh năm 1987 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; trú tại đường 10, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; con ông Nguyễn Trần N và bà Trần Thị P; có vợ Ngô Thị N và có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; không có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/11/2016 đến ngày 03/12/2016 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Ngày 12/01/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” (có mặt).

** Trong vụ án còn có 13 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị (Tòa án không triệu tập).*

** 05 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị (Tòa án không triệu tập).*

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Duy N1 là bạn bè quen biết với Lưu Đức H1, sinh năm 1990 trú tại xóm 9, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sự quen biết đó trong các ngày 27 và 28/11/2016 N1 đã hai lần tổ chức cho các bị cáo khác đến đánh bạc tại nhà H1.

Lần thứ nhất: Ngày 27/11/2016 Phạm Duy N1, Phạm Văn T1, Bùi Văn H2, Nguyễn Minh K, Bùi Văn C1, Lê Hồng G, Lê Văn H3, Hoàng Văn T2, Đỗ Văn N2, Đỗ Văn Đ, Phạm Văn C2, Nguyễn Trần N3, Phạm Văn Q liên lạc điện thoại cho nhau để đánh bạc. N1 là người khởi xướng, bố trí địa điểm, tập trung tại nhà N1 để N1 bố trí đưa các đối tượng đến địa điểm đánh bạc. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày tất cả các đối tượng trên đều có mặt tại nhà N1, N1 giao cho Nguyễn Minh K điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA 16 chỗ ngồi, biển kiểm soát 29LD - 0490 và N1 là người chỉ đường cho K chở các đối tượng trên đến nhà H thì gặp Lưu Thị C3 (là mẹ đẻ của H1) mặc dù biết các bị cáo trên đến để đánh bạc nhưng do thấy N1 là bạn của H1 nên C3 đồng ý để các bị cáo trên lên tầng 2 đánh bạc. Tại đây N2 dùng kéo cắt 04 quân vị từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, N1 lấy bát, đĩa chuẩn bị từ nhà, tất cả cùng đánh xóc đĩa ăn tiền và thống nhất đặt cửa thấp nhất 100.000 đồng

và không giới hạn mức cao nhất, quá trình chơi N2 là người cầm cái; N1 cầm bảng vị T1, N3 và T2 là người chơi bảng vị với N1. N1 thu tiền hồ của mỗi người chơi là 300.000 đồng, trong đó có N1, T1, C, G, Đ, Q, N3, T2, C1 và H2 đã nộp (tổng số tiền N1 thu tiền hồ là 3.000.000 đồng). Khi đi N1 mang theo 20.000.000 đồng, N1 sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc còn 15.000.000 đồng N1 cho mọi người vay. N1 quy định nếu vay 1.000.000 đồng thì cắt lãi luôn 50.000 đồng, nếu chưa trả được ngay thì tính lãi 2000 đồng/ngày/1.000.000 đồng nếu thắng bạc các đối tượng trả luôn tiền cho N1, nếu thua tiếp tục vay lại. Quá trình chơi N2 vay một lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); T1 vay một lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); N3 vay 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng, N1 cắt lãi 500.000 đồng; G vay một lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); K vay ba lần mỗi lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); H2 vay hai lần mỗi lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); C vay một lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); C2 vay hai lần mỗi lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi). Do thắng bạc nên T1, N3, N2, H2, C3, C2 đã trả tiền cho N1; K trả được 5.000.000 đồng; G chưa trả cho Nhiệm. Tất cả các bị cáo đánh bạc đến 17 giờ cùng ngày thì nghỉ chơi. Quá trình điều tra xác định số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc ngày 27/11/2016 là 31.400.000 đồng gồm (N1 5.000.000 đồng cùng 15.000.000 đồng cho các đối tượng vay, T3 1.800.000 đồng, N3 250.000 đồng, T2 1.600.000 đồng, Q 500.000 đồng, N2 3.000.000 đồng, Đ 1.500.000 đồng, G 600.000 đồng, H2 700.000 đồng, K 450.000 đồng, C2 1.000.000 đồng).

Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 28/11/2016, Phạm Duy N1 nói với Đỗ Văn D điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29 LD - 0490 đi đón T2, Đ, N3 và Trần Thị T3. Sau đó D để Đ điều khiển xe ô tô tiếp tục đi đón Q, C1, T1 rồi tất cả quay lại nhà N1. Lúc này G, N2, C2 đã có mặt tại nhà N1. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, N1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29 LD - 0490 chở tất cả các bị cáo trên đến nhà Lưu Thị C3 (N1 không nói trước địa điểm đánh bạc). Khi gặp C3, C3 không nói gì mà nhất trí cho các bị cáo đánh bạc tại tầng 2 của gia đình. Tại đây N3 lấy kéo cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long ra 04 quân vị, N1 lấy bát, đĩa, bảng vị đã chuẩn bị từ nhà sau đó tất cả đánh xóc đĩa ăn tiền và thống nhất đặt cửa thấp nhất 100.000 đồng và không giới hạn mức tiền đặt cửa cao nhất, khi chơi C1 là người cầm cái, N1 sử dụng bảng vị, T1, N3 và T2 là người chơi bảng vị với N1. Quá trình chơi N1 thu tiền hồ của N2, T1, C1, G, Đ, Q, N3, T2, Thăm mỗi người 300.000 đồng, cộng số tiền 2.700.000 đồng. Khi đánh bạc N1 sử dụng 15.000.000 đồng cho

các đối tượng vay để đánh bạc, N1 cho vay, cứ 1.000.000 đồng thì cắt lãi luôn 50.000 đồng, nếu đến ngày hôm sau mới trả thì cứ vay 1.000.000 đồng tính lãi 2.000 đồng/ngày/1triệu đồng. Quá trình chơi các đối tượng thắng bạc thì trả tiền luôn cho N1, thua lại tiếp tục vay nên số tiền 15.000.000 đồng N1 quay vòng cho vay được nhiều lần. Khi chơi N3 vay 04 lần, N1 không lấy lãi gồm: Lần 1 và lần 2 vay mỗi lần 10.000.000 đồng; lần 3 và lần 4 vay mỗi lần 5.000.000 đồng; T1 vay 01 lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); N2 vay 01 lần 5.000.000 đồng, N1 cắt lãi 250.000 đồng, C1 vay 01 lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); Đ vay 01 lần 5.000.000 đồng (không lấy lãi); T3 vay 01 lần 5.000.000 đồng, N1 cắt lãi 250.000 đồng. Đ, T1 và N3 đã trả tiền cho N1 còn C1, N2, T3 chưa trả. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Y bắt quả tang, các bị cáo bỏ chạy lên tum chống nóng và các phòng trong nhà Lưu Thị C3. Cơ quan điều tra bắt giữ được các bị cáo nêu trên, riêng C2 và T3 bỏ chạy. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bát sù, 01 đĩa sù, 04 quân vị, 01 bảng vị, 01 chiếc kéo và thu giữ tổng số tiền 76.840.000 đồng, cụ thể như sau: tại gầm giường phòng ngủ tầng 1 nơi G bỏ trốn số tiền 11.100.000 đồng, tại tum chống nắng tầng 2 số tiền 19.400.000 đồng và 01 chiếc túi màu đen bên trong túi có 37.700.000 đồng. Thu giữ trong người các bị cáo: C1 1.350.000 đồng, N1 800.000 đồng, N2 250.000 đồng, Đ 250.000 đồng, T1 3.500.000 đồng, N3 470.000 đồng, D 300.000 đồng, G 1.720.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA 16 chỗ ngồi biển kiểm soát 29 LD - 0490 cùng toàn bộ giấy tờ liên quan và 11 điện thoại di động các loại. Quá trình điều tra K tự nguyện giao nộp số tiền 11.000.000 đồng, Đ 850.000 đồng, T3 và C2 tự nguyện đến cơ quan điều tra làm việc, T3 giao nộp số tiền 1.200.000 đồng khi bỏ chạy.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc ngày 28/11/2016 được xác định là 43.040.000 đồng gồm: Trong túi xách của N1 2.700.000 đồng, thu trên tum tầng 2 là 19.400.000 đồng, nơi G trốn 11.100.000 đồng, trên người các bị cáo thu được số tiền 9.840.000 đồng gồm: N1 800.000 đồng, C1 1.350.000 đồng, N2 250.000 đồng, Đ 250.000 đồng, T1 3.500.000 đồng, N3 470.000 đồng, D 300.000 đồng, G 1.720.000 đồng và thu giữ của T3 1.200.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 23/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Duy N1 phạm các tội “Đánh bạc”; “Tổ chức đánh bạc” và “Gá bạc”.

Các bị cáo Đỗ Văn N2, Nguyễn Trần N3 phạm tội “Đánh bạc”

1. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; khoản 1 và khoản 3 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phạm Duy N1 10 (mười) tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”; 18 (mười tám) tháng tù và phạt bổ sung 6.000.000 (sáu triệu) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”; 12 (mười hai) tháng tù và phạt bổ sung 6.000.000 (sáu triệu) đồng về tội “Gá bạc”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Duy N1 phải chấp hành chung cho cả ba tội là 40 (bốn mươi) tháng tù và hình phạt bổ sung chung của cả ba tội là 17.000.000 (mười bảy) triệu đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/11/2016.

2. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N2 8 (tám) tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi các ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2016 đến ngày 18/01/2017.

3. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần N3 7 (bảy) tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi các ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2016 đến ngày 12/01/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt 13 bị cáo khác về tội “Đánh bạc” với mức hình phạt từ 9.000.000 đồng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

Ngày 05/7/2017 bị cáo Đỗ Văn N2 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo để được cải tạo tại địa phương.

Ngày 28/6/2017 bị cáo Nguyễn Trần N3 có đơn kháng cáo xin được được cải tạo tại địa phương.

Ngày 27/6/2017 bị cáo Phạm Duy N1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Duy N1, Đỗ Văn N2, Nguyễn Trần N3 vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; khoản 1 và khoản 3 Điều 249; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; áp dụng thêm Điều 47 cho tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Gá bạc”; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Duy N1; sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm mức hình phạt tù cho bị cáo Phạm Duy N1 từ 10 (mười) tháng tù xuống 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; 18 (mười tám) tháng tù xuống 11 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 12 (mười hai) tháng tù xuống 09 tháng tù về tội “Gá bạc”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Duy N1 phải chấp hành chung cho cả ba tội là 29 (hai chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/11/2016.

* Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo N2 áp dụng thêm Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn N2, Nguyễn Trần N3; giữ nguyên mức hình phạt tù đối với các bị cáo Đỗ Văn N2, Nguyễn Trần N3.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Về hình thức đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Duy N1, Đỗ Văn N2 và Nguyễn Trần N3 khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án hình sự sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan,

người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận trong các ngày 27 và 28/11/2016 Phạm Duy N1 đã sử dụng ô tô 16 chỗ ngồi chở 14 bị cáo khác đến nhà bị cáo Lưu Thị C3 tại xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Khi đến nhà C3, N2 và N3 chuẩn bị 04 quân vị, N1 chuẩn bị 01 bát sù, 01 đĩa sù, 01 bảng vị từ nhà để các bị cáo gồm Phạm Văn T1, Bùi Văn H2, Nguyễn Minh K, Bùi Văn C1, Lê Hồng G, Lê Văn H3, Hoàng Văn T2, Đỗ Văn N2, Đỗ Văn Đ, Phạm Văn C2, Nguyễn Trần N3, Phạm Văn Q, Trần Thị T3, Đỗ Văn D đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau được thua bằng tiền. Trong hai ngày 27 và 28/11/2016 Phạm Duy N1 ngoài tham gia đánh bạc; bị cáo N1 còn cho các bị cáo khác vay tiền để đánh bạc thu lời bất chính, đồng thời thu tiền hồ của các bị cáo đến đánh bạc. Ngày 28/11/2016 các bị cáo đánh bạc từ 13 giờ đến 14 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Y bắt quả tang, quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và gá bạc ngày 27/11/2016 là 31.400.000 đồng; ngày 28/11/2016 là 43.040.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc hai ngày 27 và 28/11/2016 là 74.440.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Duy N1 bị tòa án cấp sơ thẩm xử về tội “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc” và “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi đánh xóc đĩa sát phạt nhau được thua bằng tiền của các bị cáo Đỗ Văn N2, Nguyễn Trần N3 và 12 bị cáo khác trong vụ án bị Tòa án cấp sơ thẩm xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, đây là vụ án có nhiều bị cáo đồng phạm tham gia đánh bạc, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Duy N1 xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy: Bị cáo N1 là người chưa có tiền án, tiền sự vì muốn thu lời bất chính từ việc tổ chức cho 14 bị cáo khác tham gia đánh bạc nên đã phạm tội. Trong ngày 27 và 28/11/2016 N1 là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, bố trí địa điểm, sử dụng xe ô tô 16 chỗ ngồi để chở 14 bị cáo khác đến nhà bị cáo C3 để đánh bạc, N1 vừa tham gia đánh bạc, vừa cho các bị cáo khác vay tiền để thu lãi 1.000.000 đồng và

thu tiền hồ của các đối tượng đánh bạc với tổng số tiền 5.700.000 đồng. Trong vụ án này bị cáo bị xét xử về 03 tội nên bị cáo giữ vai trò chính và chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, vai trò hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhân thân của bị cáo, áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là sau khi phạm tội thật thà khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo về tội “Đánh bạc” 10 tháng tù; tội “Tổ chức đánh bạc” 18 tháng tù và tội “Gá bạc” 12 tháng tù là nghiêm khắc. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày các lý do xin giảm nhẹ hình phạt như bản án sơ thẩm đã áp dụng đồng thời trình bày hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp thay một phần tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án điều đó thể hiện bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; sau khi bị bắt về hành vi đánh bạc ngày 28/11/2016 bị cáo đã khai ra hành vi đánh bạc ngày 27/11/2016 là tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng chưa được Tòa sơ thẩm áp dụng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được bổ sung tại cấp phúc thẩm nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo có căn cứ cần chấp nhận, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo N1 về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” đồng thời áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự cho tội “Gá bạc” để giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo N1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương của các bị cáo Đỗ Văn N2 và Nguyễn Trần N3 thì thấy: Các bị cáo đều tham gia đánh bạc hai ngày 27 và 28/11/2016, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác trong vụ án. Ngày 27/11/2016 bị cáo N2 là người cắt quân vị và là người cầm cái. Ngày 28/11/2016 bị cáo N3 là người cắt quân vị, các bị cáo đều tham gia đánh bạc từ đầu đến khi kết thúc. Xem xét toàn diện vụ án thì thấy các bị cáo phạm tội là do bị rủ rê, lôi kéo; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc

thẩm đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo N2 08 (tám) tháng tù, bị cáo N3 07 (bảy) tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo trình bày các lý do xin giảm nhẹ hình phạt như bản án sơ thẩm đã áp dụng, đồng thời bị cáo N3 trình bày có hai con còn nhỏ, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình để thi hành án điều đó thể hiện các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; sau khi bị bắt về hành vi đánh bạc ngày 28/11/2016 các bị cáo đã khai ra hành vi đánh bạc ngày 27/11/2016 là tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng chưa được Tòa sơ thẩm áp dụng. Đối với bị cáo Đỗ Văn N2 tại cấp phúc thẩm xuất trình tài liệu bố đẻ ông Đỗ Văn B là thương binh hạng 4/4, được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba làm nhiệm vụ Quốc tế cách mạng Campuchia. Theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo Nguyễn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét tính chất tội phạm, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, xét hoàn cảnh gia đình, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, đều có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bổ sung tại cấp phúc thẩm các lý do mà các bị cáo đưa ra để xin được cải tạo tại địa phương là có căn cứ nên không cần thiết bắt các bị cáo cách ly khỏi xã hội, cần giữ nguyên mức án Tòa sơ thẩm đã tuyên và áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N2; chuyển sang loại hình phạt cải tạo không giam giữ theo Điều 31 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N3, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú, khấu trừ 5% thu nhập của bị N3 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Từ những căn cứ và phân tích ở trên. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giữ nguyên mức hình phạt tù đối với các bị cáo Đỗ Văn N2, Nguyễn Trần N3; cần sửa bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về hình phạt tù đối với các bị cáo Phạm Duy N1, Đỗ Văn N2 và Nguyễn Trần N3.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Tòa không xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c, đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Duy N1, Đỗ Văn N2 và Nguyễn Trần N3; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 19/2017/HSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về hình phạt tù đối với các bị cáo Phạm Duy N1, Đỗ Văn N2 và Nguyễn Trần N3.

* Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; khoản 1 và khoản 3 Điều 249; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; áp dụng thêm Điều 47 cho tội “Gá bạc”; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy N1 08 (tám) tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”; 12 (mười hai) tháng tù và phạt bổ sung 6.000.000 (sáu triệu) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”; 08 (tám) tháng tù và phạt bổ sung 6.000.000 (sáu triệu) đồng về tội “Gá bạc”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Duy N1 phải chấp hành chung cho cả ba tội là 28 (hai tám) tháng tù và hình phạt bổ sung chung của cả ba tội là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/11/2016.

* Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N2 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng về tội “Đánh bạc”; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/9/2017. Giao bị cáo N2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo N2 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Phạt tiền bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

* Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm o, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần N3 21 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2016 đến ngày 12/01/2017 (là 01 tháng 15 ngày) chuyển đổi bằng 04 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N3 còn phải chấp hành hình phạt 16 (mười sáu) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Nguyễn Trần N3 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt tiền bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Giao bị cáo N3 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo N3 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Ghi nhận tự nguyện của các bị cáo nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình để đảm bảo thi hành án.

- Phạm Duy N1 đã nộp số tiền 5.200.000 (năm triệu, hai trăm nghìn đồng) do anh Đỗ Văn B nộp thay theo biên lai thu tiền số AA/2013/0001052 ngày 14/9/2017.

- Đỗ Văn N2 đã nộp số tiền 5.200.000 (năm triệu, hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2013/0001036 ngày 20/9/2017.

- Nguyễn Trần N3 đã nộp số tiền 5.200.000 (năm triệu, hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2013/0001038 ngày 20/9/2017.

3. Về án phí:

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Phạm Duy N1, Đỗ Văn N2 và Nguyễn Trần N3 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/9/2017./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản)
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản)
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (2 bản)
 - TAND huyện Y (2 bản)
 - VKSND huyện Y (1 bản)
 - CA huyện Y (1 bản)
 - Chi cục THADS Y (1 bản)
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh NB (1 bản)
 - Sở tư pháp (1 bản)
 - Bị cáo (3 bản)
 - Trại tạm giam (1 bản)
 - Lưu hồ sơ (2 bản)
 - Lưu tòa (1 bản)
 - Lưu VP (1 bản)
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Liên

